TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 85/2019/DS-ST
Ngày: 14/6/2019
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Thanh Trúc

- *Hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Phan Thanh Dũng

2. Ông Nguyễn Quốc Hùng

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Bích Tuyền - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp Thanh Bình, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn*: 1. Bà **Hà Thị Mỹ P, sinh năm 1982 (vắng mặt)

2. Bà **Trần Thị P1**, sinh năm 1959 (vắng mặt)

3. Ông **Trần Chí D**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thanh Nhung, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Tôi tham gia góp hụi do bà Hà Thị Mỹ P làm chủ, cụ thể các chân hụi sau:

- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 10/8/2016, có 24 phần, tham gia 02 phần, đóng được 11 lần thì tôi kêu hốt 01 phần với số tiền 6.790.000 đồng nhưng P không giao tiền hụi; phần còn lại đã đóng được 11 lần với số tiền 2.885.000 đồng;

- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 22/9/2016, có 21 phần, tham gia 02 phần, đóng được 10 lần với số tiền 4.505.000 đồng;

- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 22/12/2016, có 17 phần, tham gia 02 phần, đóng được 07 lần với số tiền 2.060.000 đồng;

Tổng cộng các khoản tiền hụi P còn nợ tôi là: 16.240.000 đồng.

Nay tôi chỉ yêu cầu ông D và bà P trả lại cho tôi số tiền 16.240.000 đồng. Tôi rút yêu cầu khởi kiện đối với bà P1.

Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị P1 trình bày:

Tôi là mẹ ruột của Hà Thị Mỹ P. Vào năm 2005, P làm chủ hụi, khi đó P ở chung với tôi nên P ghi tên tôi và lấy tên tôi để tạo uy tín đối với các hụi viên vì P còn nhỏ tuổi. Thực tế, P đứng làm chủ hụi và tự thỏa thuận khui hụi, góp hụi, giao tiền hụi với các hụi viên chứ tôi hoàn toàn không biết gì. Đến năm 2010, P ra riêng, tiếp tục làm chủ hụi và tôi cũng không biết gì thêm việc làm ăn của P. Tôi không được hưởng lợi ích từ công việc hụi hàng của P, việc các hụi viên kiện tôi thì tôi không đồng ý.

Theo lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí D trình bày:

Tôi là chồng của Hà Thị Mỹ P. Vào năm 2005, khi P làm chủ hụi thì tôi cũng biết nhưng tôi không trực tiếp tham gia. Bà Nguyễn Thị B là hụi viên tham gia góp hụi, theo tôi được biết thì bà B tham gia 04 dây hụi tháng cụ thể như sau:

- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 10/8/2016, có 24 phần, tham gia 02 phần, đóng được 12 lần với số tiền 5.670.000 đồng;

- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 22/9/2016, có 21 phần, tham gia 02 phần, đóng được 10 lần với số tiền 4.505.000 đồng;

- Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 22/12/2016, có 17 phần, tham gia 02 phần, đóng được 07 lần với số tiền 2.060.000 đồng;

Tổng cộng các khoản tiền hụi nêu trên: 12.235.000 đồng. Nhưng do bà B có thỏa thuận với P việc bảo lãnh cho em của bà B tham gia hụi nên bà B có trách nhiệm trả nợ thay cho em bà B là 4.500.000 đồng tiền hụi chết. Cấn trừ số tiền này thì tôi đồng ý trả cho bà B 7.735.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà P và ông D trả số tiền hụi 12.235.000 đồng, không đồng ý cấn trừ vì nguyên đơn với bị đơn bà P không có thỏa thuận về việc bảo lãnh như ông D trình bày. Bà P, bà P1 và ông D vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là *"tranh chấp hợp đồng góp hụi"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Hà Thị Mỹ P, bà Trần Thị P1 và ông Trần Chí D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt bà Hà Thị Mỹ P, bà Trần Thị P1 và ông Trần Chí D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B thống nhất với phần trình bày của ông Trần Chí D theo Tờ tường trình ngày 31/12/2018 của ông Trần Chí D về số tiền hụi bà Hà Thị Mỹ P còn nợ bà Nguyễn Thị B là 12.235.000 đồng. Tuy nhiên, bà B không đồng ý việc cấn trừ 4.500.000 đồng theo phần trình bày của ông D vì giữa bà B và bà P không có thỏa thuận bà B phải có nghĩa vụ trả thay cho em bà B số tiền hụi chết chưa trả cho bà P là 4.500.000 đồng. Yêu cầu này của ông D không được bà B đồng ý và ông D cũng như bà P không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho thỏa thuận bảo lãnh do ông D đưa ra. Do đó, không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông D, cần buộc ông D và bà P trả cho bà B số tiền 12.235.000 đồng mới phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 471; 466; 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Hà Thị Mỹ P và ông Trần Chí D trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 12.235.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị Mỹ P và ông Trần Chí D phải chịu 611.750 đồng. Bà Nguyễn Thị B được nhận lại 644.000 đồng theo biên lai thu số 002506 ngày 09/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc